

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 680/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22-12-2020
V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con
chung giữa chị P với anh D”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Minh Chánh
2. Ông Nguyễn Ngọc Đây.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 366/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 323/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Trúc P, sinh năm: 1985; địa chỉ: Số 248, tổ 08, ấp Bình Đức, xã BP, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn D, sinh năm: 1983; địa chỉ: Số 338, tổ 12, ấp Ba Xưa, xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Trúc P trình bày:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Trúc P và anh Trần Văn D chung sống năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang. Thời gian chung sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm. Nay chị Lê Thị Trúc P yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Quốc Trọng, sinh ngày 09/03/2010; Trần Thị Ngọc Vy, sinh ngày 27/02/2012 và Trần Quốc Khang, sinh ngày 10/06/2017. Hiện cháu Trọng đang do anh D chăm sóc nuôi dưỡng chị đồng ý giao cháu Trọng cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Hiện cháu Vy, Khang đang do chị D chăm sóc nuôi dưỡng, chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu và chị không cấp dưỡng nuôi cháu Trọng, chị yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi 02 cháu Vy, Khang theo quy định pháp luật kể từ ngày 01/9/2020 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Trần Văn D vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, chị P xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị cho chị P ly hôn anh D, do anh chị ly thân đã lâu, cho thấy anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Quốc Trọng, sinh ngày 09/03/2010; Trần Thị Ngọc Vy, sinh ngày 27/02/2012 và Trần Quốc Khang, sinh ngày 10/06/2017. Hiện cháu Trọng đang do anh D chăm sóc nuôi dưỡng, cháu Vy và cháu Khang đang do chị P chăm sóc nuôi dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trọng, cháu Vy, cháu Khang. Xét yêu cầu của chị P, nguyện vọng của cháu Trọng, cháu Vy, đề nghị giao cháu Trọng, cháu Vy, cháu Khang cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của chị P; Giấy chứng nhận kết hôn; Bản sao Giấy khai sinh của cháu Trọng, cháu Vy, cháu Khang; Biên bản xác minh; bản nguyện vọng của cháu Trọng, cháu Vy.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác, nhưng vắng mặt không lý do không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị P và anh D chung sống với nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TMT, huyện C, tỉnh An Giang, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Chị P khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh D do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất đồng quan điểm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh D vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy anh D không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ vợ chồng, để mặc cho chị P giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy: Mỗi quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng chung tay nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, sống chung với nhau, nhưng anh chị không sống chung, anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị P yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P.

[2.2] Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Quốc Trọng, sinh ngày 09/03/2010; Trần Thị Ngọc Vy, sinh ngày 27/02/2012 và Trần Quốc Khang, sinh ngày 10/06/2017. Cháu Trọng đang chung sống với anh D, nhưng cháu Trọng có nguyện vọng được sống chung với chị P; cháu Vy, cháu Khang đang do chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 cháu Vy, Khang và cả cháu Trọng; cháu Vy cũng có nguyện vọng được sống chung với

chị P. Anh D vắng mặt không trình bày ý kiến. Xét yêu cầu của chị P, nguyện vọng của cháu Trọng, cháu Vy, để đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của các con, tạo điều kiện cho các cháu được ổn định tinh thần, sinh sống và học tập, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trọng, cháu Vy, cháu Khang cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Trúc P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003487 ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Trúc P. Chị Lê Thị Trúc P được ly hôn với anh Trần Văn D.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị P và anh D có 03 con chung tên Trần Quốc Trọng, sinh ngày 09/03/2010; Trần Thị Ngọc Vy, sinh ngày 27/02/2012 và Trần Quốc Khang, sinh ngày 10/06/2017, hiện cháu Trọng đang sống chung với anh D, cháu Vy, cháu Khang đang chung sống với chị P.

2.2. Giao 02 con chung tên Trần Thị Ngọc Vy, sinh ngày 27/02/2012 và Trần Quốc Khang, sinh ngày 10/06/2017 cho chị Lê Thị Trúc P được tiếp tục

nuôi dưỡng. Buộc anh Trần Văn D giao cháu Trần Quốc Trọng, sinh ngày 09/03/2010 cho chị Lê Thị Trúc P được trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trần Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Trúc P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003487 ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã TMT;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Tuấn Huỳnh Văn Hùng

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi